

Phụ lục III

**ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP
KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày /5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Mật độ trồng tối đa (cây/ha)	Đơn giá đề xuất điều chỉnh QĐ số 63 của UBND tỉnh	Ghi chú
I	CÂY LẤY GỖ		1.600		
	<i>(gỗ quý hiếm tính từ nhóm I đến nhóm II, gỗ thường tính từ nhóm III đến nhóm VIII)</i>				
1	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,15 m đến 0,4 m				
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây		3.500	
-	Gỗ thường	Đồng/cây		2.800	
2	Cây trồng dưới 1 năm, có thân cây cao cách mặt đất từ 0,4 m trở lên				
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây		5.900	
-	Gỗ thường	Đồng/cây		4.700	
3	Cây trồng từ 01 đến dưới 02 năm				
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây		13.000	
-	Gỗ thường	Đồng/cây		10.000	
4	Cây trồng từ 02 năm đến dưới 04 năm				
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây		32.000	
-	Gỗ thường	Đồng/cây		19.000	
5	Cây trồng từ 04 năm đến khép tán				
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây		76.000	
-	Gỗ thường	Đồng/cây		47.000	
6	Cây lấy gỗ có chu vi từ 0,4 m đến 0,5 m (đo cách mặt đất 1,3 m)				
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây		174.000	
-	Gỗ thường	Đồng/cây		118.000	
7	Cây lấy gỗ có chu vi lớn hơn 0,5 m đến 0,6 m (đo cách mặt đất 1,3 m)				
-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây		190.000	
-	Gỗ thường	Đồng/cây		134.000	
8	Cây lấy gỗ có chu vi lớn hơn 0,6 m (đo cách mặt đất 1,3 m)				

-	Gỗ quý hiếm	Đồng/cây		280.000
-	Gỗ thường	Đồng/cây		202.000
II	NHÓM CÂY TRE, TRÚC			
A	CÂY TRE		500	
1	Cây mới trồng	Đồng/cây		15.000
2	Cây non, thân cao cách mặt đất từ 3 m đến dưới 5 m, đường kính thân từ 0,05 m đến dưới 0,1 m	Đồng/cây		34.000
3	Cây già, thân cây cao cách mặt đất từ 5 m trở lên, đường kính thân từ 0,1 m trở lên	Đồng/cây		45.000
B	CÂY BƯƠNG		500	
1	Cây mới trồng	Đồng/cây		25.000
2	Cây non, thân cao cách mặt đất từ 3 m đến dưới 5 m, đường kính thân từ 0,05 m đến dưới 0,1 m	Đồng/cây		50.000
3	Cây già, thân cây cao cách mặt đất từ 5 m trở lên, đường kính thân từ 0,1 m trở lên	Đồng/cây		67.000
C	CÂY MĂNG SẮT VÀ MỘT SỐ CÂY MĂNG CÓ GIÁ TRỊ TƯƠNG ĐƯƠNG	Đồng/m ²		25.000
III	CÂY TRÁM		1.600	
1	Cây chưa cho thu hoạch (Thời gian XD CB)			
-	Cây trồng dưới 01 năm tuổi	Đồng/cây		50.000
-	Cây trồng từ 01 đến dưới 02 năm tuổi	Đồng/cây		100.000
-	Cây trồng từ 02 năm đến dưới 4 năm tuổi	Đồng/cây		150.000
2	Cây trồng cho thu hoạch (Trung bình cây trồng 5 năm ra quả)			
-	Cây trồng từ 4 năm đến dưới 6 năm tuổi	Đồng/cây		194.000
-	Cây trồng từ 6 năm đến dưới 8 năm tuổi	Đồng/cây		287.000
-	Cây trồng từ 8 năm đến dưới 10 năm tuổi	Đồng/cây		442.000
-	Cây trồng từ 10 đến dưới 12 năm tuổi	Đồng/cây		488.000
-	Cây trồng từ 12 đến dưới 14 năm tuổi	Đồng/cây		780.000
-	Cây trồng từ 14 năm đến dưới 20 năm tuổi	Đồng/cây		1.137.000
-	Cây trồng cho thu hoạch trên 20 năm tuổi	Đồng/cây		1.500.000
IV	CÂY SƠN TRA		1.600	
1	Cây chưa cho thu hoạch			
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất nhỏ hơn 0,5m	Đồng/cây		2.400

-	Cây trồng từ 01 đến dưới 02 năm	Đồng/cây		22.000	
-	Cây trồng từ 02 năm đến dưới 04 năm	Đồng/cây		39.000	
2	Cây đã cho thu hoạch (Trung bình cây trồng 5 năm ra quả)				
-	Cây trồng từ 04 năm đến dưới 6 năm tuổi	Đồng/cây		56.000	
-	Cây trồng từ 6 đến dưới 8 năm tuổi	Đồng/cây		168.000	
-	Cây trồng từ 8 đến dưới 10 năm tuổi	Đồng/cây		280.000	
-	Cây trồng từ 10 đến dưới 12 năm tuổi	Đồng/cây		650.000	
-	Cây trồng từ 12 đến dưới 14 năm tuổi	Đồng/cây		708.000	
-	Cây cho quả trên 14 năm tuổi	Đồng/cây		850.000	
V	MẮC CA		278		
1	Cây chưa cho thu hoạch				
-	Cây trồng dưới 01 năm, có thân cây cao cách mặt đất nhỏ hơn 0,5m	Đồng/cây		64.000	
-	Cây trồng từ 01 đến dưới 02 năm	Đồng/cây		78.000	
-	Cây trồng từ 02 năm đến dưới 4 năm tuổi	Đồng/cây		95.000	
2	Cây đã cho thu hoạch (Trung bình cây trồng 5 năm ra quả)				
-	Cây cho quả từ 4 năm đến dưới 06 năm	Đồng/cây		392.000	
-	Cây cho quả từ 6 năm đến dưới 8 năm	Đồng/cây		700.000	
-	Cây cho quả từ 8 năm đến dưới 10 năm	Đồng/cây		1.200.000	
-	Cây trồng từ 10 đến 14 năm tuổi	Đồng/cây		1.225.000	
-	Cây cho quả trên 14 năm tuổi	Đồng/cây		1.705.000	
VI	CÂY QUẾ		5.000		
1	Cây trồng dưới 01 năm	Đồng/cây		4.500	
2	Cây trồng từ 01 đến dưới 02 năm	Đồng/cây		12.000	
3	Cây trồng từ 02 đến dưới 04 năm	Đồng/cây		40.000	
4	Cây trồng trên 05 năm (có chu vi lớn hơn hoặc bằng 25 cm giai đoạn cho thu hoạch sản phẩm)	Đồng/cây		100.000	
5	Cây chu vi lớn hơn 0,4 m trở lên	Đồng/cây		179.000	
	RỪNG TRỒNG THUỘC CÁC DỰ ÁN LÂM NGHIỆP				
VII	<i>(nguồn vốn ngân sách đầu tư toàn bộ chi phí trồng mới hoặc ngân sách đầu tư một phần; chi phí chăm sóc, bảo vệ người trồng rừng trực tiếp đầu tư)</i>				

1	Bồi thường cho người trực tiếp được giao trồng và chăm sóc bảo vệ rừng				
2	Cây trồng dưới 04 năm (<i>trong giai đoạn xây dựng cơ bản lâm sinh</i>) mức đền bù thực hiện theo định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định khác của nhà nước trừ đi số tiền nhà nước đã hỗ trợ trồng rừng				
3	Cây trồng từ năm thứ 04 đến khép tán, cây có chu vi từ 0,4 m trở lên, bồi thường theo mật độ hiện còn tại thời điểm kiểm đếm nhưng không vượt quá mật độ thiết kế ban đầu				
VIII	HỖ TRỢ CÔNG CHĂM SÓC, BẢO VỆ RỪNG				
	Hỗ trợ cho cả thời gian hợp đồng với Nhà nước về chăm sóc bảo vệ rừng. Tiền hỗ trợ = (Tổng số năm được giao chăm sóc, bảo vệ - Tổng số năm đã chăm sóc, bảo vệ) x 500.000 đồng/ha/năm.	Đồng/ha/năm		500.000	